

VIỆN DƯỢC LIỆU

Chương trình tạo nguồn nguyên liệu làm thuốc (KY - 02)

# TÀI NGUYÊN CÂY THUỐC VIỆT NAM



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT

VIỆN DƯỢC LIỆU  
CHƯƠNG TRÌNH TẠO NGUỒN NGUYÊN LIỆU LÀM THUỐC  
(KY-02)

# TÀI NGUYÊN CÂY THUỐC VIỆT NAM



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT  
HÀ NỘI - 1993

### *Các tác giả*

Dược sĩ	Đỗ Huy Bích ( <i>phần thực vật</i> )
Cử nhân sinh vật	Nguyễn Tập ( <i>phần phân bố, sinh thái</i> )
Kỹ sư nông nghiệp	Trần Toàn Trần Hùng ( <i>phần trồng trọt</i> )
Giáo sư , Dược sĩ Phó giáo sư , Phó tiến sĩ	Vũ Ngọc Lộ Phạm Kim Mãn ( <i>phần hóa học, chế biến</i> )
Giáo sư Phó giáo sư	Đoàn Thị Nhu Phạm Duy Mai ( <i>phần dược lý, công dụng</i> )
Dược sĩ	Bùi Xuân Chương ( <i>phần tranh</i> )

### *Các cộng tác viên*

Giáo sư , Tiến sĩ	Nguyễn Văn Đàn
Giáo sư , Dược sĩ	Lê Quang Toàn
Phó giáo sư , Phó tiến sĩ	Nguyễn Gia Chấn
Phó giáo sư , Tiến sĩ	Trần Công Khánh
	Đặng Chung

### Lời các tác giả

Cây thuốc ở nước ta rất phong phú và đa dạng. Việc sử dụng nguồn tài nguyên quý giá đó để phòng, chữa bệnh và nâng cao sức khỏe cho con người đã có một quá trình lịch sử hàng nghìn năm. Công tác phát triển dược liệu từ hàng chục năm nay cũng đã thu được những kết quả tốt đẹp và có nhiều chuyển biến đáng kể.

Từ trước đến nay, nhiều tài liệu đã giới thiệu cây thuốc Việt Nam dưới nhiều hình thức phong phú và sinh động. Lần này, được sự chỉ đạo và hỗ trợ của Chương trình tạo nguồn nguyên liệu làm thuốc 64C, nay là KY-02, chúng tôi biên soạn bộ sách "Tài nguyên cây thuốc Việt Nam" nhằm phục vụ cho việc nghiên cứu, khai thác, phổ biến, sử dụng, phát triển và trao đổi quốc tế về dược liệu. Đây là một tài liệu lớn, có tính chất quốc gia, nâng sắc thái tài nguyên, phản ánh trung thực và chuẩn xác các kết quả của một công tác có tính đồng bộ và toàn diện. Những cây thuốc được nêu trong tài liệu này là những đối tượng đã được nghiên cứu sâu về các mặt danh pháp, phân loại thực vật, phân bố sinh thái, trồng trọt, hóa học chế biến, dược lý công dụng bao gồm những cây thuốc đã được khai thác, sử dụng từ lâu (cây trong nước và cây nhập trồng) và những cây thuốc dùng theo kinh nghiệm dân gian. Mỗi cây thuốc đều kèm theo tranh vẽ củ cây và những cây dễ nhầm lẫn. Nhiều cây đã được những cơ sở tế nghiên cứu, chứng minh trên thực nghiệm và ứng dụng chữa bệnh có kết quả tốt.

Tài liệu có nhiều điểm mới như phần tên gọi cây thuốc của các dân tộc trên toàn lãnh thổ, tên cây bằng tiếng nước ngoài, phân phân biệt chống nhầm lẫn giữa các cây thuốc, hiện trạng của cây trong tự nhiên; đồng thời, bảo đảm chất lượng bằng việc tham khảo bổ sung một khối lượng lớn tài liệu cũng như những

## Cách trồng

Ác ti sô ưa khí hậu lạnh mát quanh năm. Nhiệt độ thích hợp khoảng 15 - 18°C. Ở Việt Nam, thường trồng ở độ cao 1.000 - 1.500m so với mặt biển. Ở độ cao này, cây có thể sống nhiều năm, vừa sản xuất giống, vừa cung cấp dược liệu. Ở đồng bằng và trung du Bắc bộ, có thể trồng ác ti sô vào vụ đông xuân và cây chỉ sản xuất dược liệu. Ác ti sô là cây sinh trưởng mạnh, cho nên cần chọn đất màu dày, thoát nước và bón nhiều phân.

Trồng ác ti sô bằng hạt và mầm nhánh. Trồng ở miền núi cao mát, cây vừa ra hoa quả, vừa đẻ mầm nhánh xung quanh gốc. Ở miền núi các tỉnh phía bắc, có thể gieo hạt vào tháng 1, 2 hoặc vào cuối mùa thu (tháng 9, 10). Tuổi ở vườn ươm là 45 - 50 ngày. Khi cây có lá xé lông chim có thể đánh trồng. Ở đồng bằng và trung du Bắc bộ, gieo vào đầu tháng 10, đánh trồng vào hạ tuần tháng 11. Sau khi làm đất nhỏ, lên luống cao 20 - 25cm, mặt luống rộng 40cm, bố hốc thành một hàng giữa luống. Hốc cách nhau 70 - 80cm. Dùng phân chuồng mục 10 - 15 tấn/ha, bón lót. Mỗi ha trồng khoảng 10.000 cây, thúc nước phân chuồng hoặc phân đạm 2 - 3 lần tùy tình hình sinh trưởng của cây, tưới thúc lần thứ nhất sau khi trồng độ 15 ngày, lần thứ hai cách lần trước khoảng 20 ngày. Có thể dùng đạm urê 80 - 100 kg/ha cho mỗi lần tưới. Làm cỏ vun xới kết hợp khi tưới thúc. Về sau, mỗi tháng làm cỏ vun xới một lần cho đến khi cây giao tán. Ở đồng bằng và trung du Bắc bộ, khoảng đầu tháng 2 có thể ngừng chăm sóc.

Ở miền núi, có thể trồng ác ti sô một lần và thu hoạch trong 2 - 3 năm. Cây mẹ lụi đi, cây con lại tiếp tục phát triển. Sau khi trồng 3 tháng, có thể bắt đầu thu hái. Dùng dao sắc tỉa lá. Tùy khả năng chăm sóc, mỗi năm có thể thu hái 2 - 3 lần. Sau mỗi lần thu hái, cần bón thúc, làm cỏ và vun xới.

Ở đồng bằng, thường thu hái một lần vào tháng 4 - 5 tùy tình hình thời tiết. Cắt toàn bộ thân lá về xử lý, có thể dùng cả rễ làm thuốc. Dùng hơi nước sôi có áp lực cao để xử lý nhanh thân lá. Sau đó phơi hoặc sấy khô. Năng suất lá khô 1,5 - 2 tấn/ha.

## Bộ phận dùng

Lá ác ti sô thu hái vào năm thứ nhất của thời kỳ sinh trưởng

hoặc vào cuối mùa hoa, làm khô. Có tài liệu nêu là nên thu hái lá còn non vào lúc cây chưa ra hoa. Ở Đà Lạt, nhân dân thu hái lá vào thời kỳ trước Tết âm lịch một tháng.

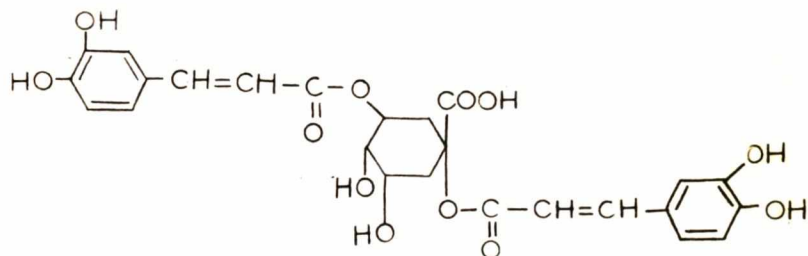
Rễ và thân cũng được dùng làm thuốc.

### Thành phần hóa học

Lá ác ti sô chứa:

1. Acid hữu cơ bao gồm:

- Acid phenol: Cynarin (acid 1 - 3 dicafeyl quinic) và các sản phẩm của sự thủy phân (acid cafeic, acid clorogenic, acid neoclorogenic).



Cynarin

- acid alcol
- acid succinic

2. Hợp chất flavonoid (dẫn chất của luteolin) bao gồm:

Cynarozid (luteolin - 7 - D glucopyranozid), scolymozid (luteolin - 7 - rutinozid) và cynarotriozid (luteolin - 7 - rutinozid - 3' - glucozid)

3. Thành phần khác: Cynaropicrin là chất có vị đắng thuộc nhóm guaianolid.

Được điển Rumani VIII qui định dược liệu phải chứa trên 1% polyphenol toàn phần và 0,2% hợp chất flavonoid.

Theo R. Paris, hoạt chất (polyphenol) tập trung ở lá, có nhiều nhất ở phiến lá (7,2%), rồi đến hoa (3,48%), đế cụm hoa, rễ, cuống lá.

Lá chứa nhiều hoạt chất nhất, 1,23% polyphenol, 0,4% hợp chất

## Cách trồng

Ác ti sô ưa khí hậu lạnh mát quanh năm. Nhiệt độ thích hợp khoảng 15 - 18°C. Ở Việt Nam, thường trồng ở độ cao 1.000 - 1.500m so với mặt biển. Ở độ cao này, cây có thể sống nhiều năm, vừa sản xuất giống, vừa cung cấp dược liệu. Ở đồng bằng và trung du Bắc bộ, có thể trồng ác ti sô vào vụ đông xuân và cây chỉ sản xuất dược liệu. Ác ti sô là cây sinh trưởng mạnh, cho nên cần chọn đất màu dày, thoát nước và bón nhiều phân.

Tổng ác ti sô bằng hạt và mầm nhánh. Trồng ở miền núi cao mát, cây vừa ra hoa quả, vừa đẻ mầm nhánh xung quanh gốc. Ở miền núi các tỉnh phía bắc, có thể gieo hạt vào tháng 1, 2 hoặc vào cuối mùa thu (tháng 9, 10). Tuổi ở vườn ươm là 45 - 50 ngày. Khi cây có lá xé lông chim có thể đánh trồng. Ở đồng bằng và trung du Bắc bộ, gieo vào đầu tháng 10, đánh trồng vào hạ tuần tháng 11. Sau khi làm đất nhỏ, lên luống cao 20 - 25cm, mặt luống rộng 40cm, bố hốc thành một hàng giữa luống. Hốc cách nhau 70 - 80cm. Dùng phân chuồng mục 10 - 15 tấn/ha, bón lót. Mỗi 1a trồng khoảng 10.000 cây, thúc nước phân chuồng hoặc phân đạm 2 - 3 lần tùy tình hình sinh trưởng của cây, tưới thúc lần thứ nhất sau khi trồng độ 15 ngày, lần thứ hai cách lần trước khoảng 20 ngày. Có thể dùng đạm urê 80 - 100 kg/ha cho mỗi lần tưới. Làm cỏ vun xới kết hợp khi tưới thúc. Về sau, mỗi tháng làm cỏ vun xới một lần cho đến khi cây giao tán. Ở đồng bằng và trung du Bắc bộ, khoảng đầu tháng 2 có thể ngừng chăm sóc.

Ở miền núi, có thể trồng ác ti sô một lần và thu hoạch trong 2 - 3 năm. Cây mẹ lụi đi, cây con lại tiếp tục phát triển. Sau khi trồng 3 tháng, có thể bắt đầu thu hái. Dùng dao sắc tỉa lá. Tùy khả năng chăm sóc, mỗi năm có thể thu hái 2 - 3 lần. Sau mỗi lần thu hái, cần bón thúc, làm cỏ và vun xới.

Ở đồng bằng, thường thu hái một lần vào tháng 4 - 5 tùy tình hình thời tiết. Cắt toàn bộ thân lá về xử lý, có thể dùng cả rễ làm thuốc. Dùng hơi nước sôi có áp lực cao để xử lý nhanh thân lá. Sau đó phơi hoặc sấy khô. Năng suất lá khô 1,5 - 2 tấn/ha.

## Bộ phận dùng

Lá ác ti sô thu hái vào năm thứ nhất của thời kỳ sinh trưởng ;

hoặc vào cuối mùa hoa, làm khô. Có tài liệu nêu là nên thu hái lá còn non vào lúc cây chưa ra hoa. Ở Đà Lạt, nhân dân thu hái lá vào thời kỳ trước Tết âm lịch một tháng.

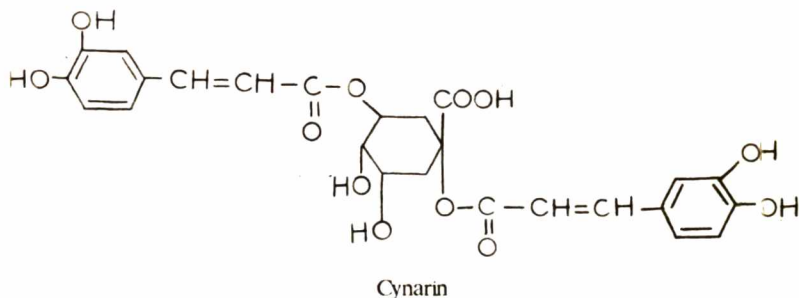
Rễ và thân cũng được dùng làm thuốc.

### Thành phần hóa học

Lá ác ti sô chứa:

1. Acid hữu cơ bao gồm:

- Acid phenol: Cynarin (acid 1 - 3 dicafeyl quinic) và các sản phẩm của sự thủy phân (acid cafeic, acid clorogenic, acid neoclorogenic).



- acid alcol
- acid succinic

2. Hợp chất flavonoid (dẫn chất của luteolin) bao gồm:

Cynarozid (luteolin - 7 - D glucopyranozid), scolymozid (luteolin - 7 - rutinozid) và cynarotriozid (luteolin - 7 - rutinozid - 3' - glucozid)

3. Thành phần khác: Cynaropicrin là chất có vị đắng thuộc nhóm guaianolid.

Dược điển Rumani VIII qui định dược liệu phải chứa trên 1% polyphenol toàn phần và 0,2% hợp chất flavonoid.

Theo R. Paris, hoạt chất (polyphenol) tập trung ở lá, có nhiều nhất ở phiến lá (7,2%), rồi đến hoa (3,48%), đế cụm hoa, rễ, cuống lá.

Lá chứa nhiều hoạt chất nhất, 1,23% polyphenol, 0,4% hợp chất



flavonoid, sau đó đến thân (0,75%), rễ (0,54%).

Lá non chứa nhiều hoạt chất (0,84%) hơn lá mọc thành hình hoa tị ở mặt đất (0,38%). Nếu sấy ở nhiệt độ cao thì lá chóng khô, nhưng lại chóng mất hoạt chất. Ở nhiệt độ thấp, việc làm khô sẽ lâu hơn. Lá cần được ổn định trước rồi mới chuyển thành dạng bào chế.

Ngon có hoa chứa inulin, protein (3,6%), dầu béo (0,1%), carbon hydra (16%), chất vô cơ (1,8%), Ca (0,12%), P (0,10%), Fe (2,3mg/100g) caroten (60 đơn vị quốc tế/100g tính ra vitamin A).

Thân và lá còn chứa muối hữu cơ của các kim loại K, Ca, Mg, Na. Hàm lượng kali rất cao.

### Tác dụng dược lý

1. Dung dịch ác ti số tiêm tĩnh mạch gây tăng mạnh lượng mật bài tiết.

2. Ác ti số cho uống và tiêm đều có tác dụng làm tăng lượng nước tiểu và lượng urê trong nước tiểu, làm giảm hằng số Ambard, giảm hàm lượng cholesterol máu và urê máu. Tuy nhiên lúc mới uống, có khi urê máu tăng lên, do ác ti số làm tăng sự tạo urê trong máu.

3. Ác ti số không gây độc.

### Công dụng

Cụm hoa được dùng trong chế độ ăn kiêng của bệnh nhân đái tháo vì nó chỉ chứa lượng nhỏ tinh bột, phần carbon hydrat gồm phần lớn là inulin.

1. Lá ác ti số vị đắng, có tác dụng lợi tiểu và được dùng trong điều trị bệnh phù và thấp khớp.

2. Ngoài việc dùng để cụm hoa và lá bắc để ăn, ác ti số dùng làm thuốc thông tiểu tiện, thông mật chữa các bệnh suy gan, thận, viêm thận cấp và mãn, sưng khớp xương. Thuốc có tác dụng nhuận tràng và lọc máu nhẹ đối với trẻ em. Dạng dùng là lá tươi hoặc khô, đem sắc (5 - 10%), hoặc nấu cao lỏng, với liều 2 - 10g lá khô một ngày. Có khi chế thành cao mềm hay cao khô để bào chế thuốc viên, thuốc tiêm dưới da hay tĩnh mạch. Có thể chế thành dạng cao lỏng đặc biệt dùng dưới hình thức giọt.

3. Người ta còn dùng thân và rễ ác ti số thái mỏng, phơi khô,

công dụng như lá.

Xí nghiệp liên hợp dược tỉnh Lâm Đồng đã bào chế viên bao Cynaraphytol. Mỗi viên chứa 0,2g hoạt chất toàn phần lá tươi ác ti sô tương đương với 20mg cynarin. Liều dùng cho người lớn là 2 - 4 viên trước bữa ăn. Trẻ em: 1/4 - 1/2 liều người lớn, tùy theo tuổi. Ngày uống 2 lần.

Xí nghiệp dược phẩm Trung ương 26 ở thành phố Hồ Chí Minh đã sản xuất trà ác ti sô túi lọc (Artichoke beverage) từ thân, rễ và hoa của cây ác ti sô với tỷ lệ các thành phần như sau:

Thân ác ti sô      40%

Rễ                    40%

Hoa                   20%

Hương liệu thiên nhiên vừa đủ

Mỗi túi chứa 2g trà, số lượng túi trà uống mỗi lần trong ngày không hạn chế. Thuốc không độc.

#### BA CHÈ *Desmodium triangulare* (Retz.) Merr.

Niêng đực, ván đất, đậu bạc đầu, tràng quả tam giác, mây thập moong (Tây), biên ong (Dao), đa rờ tít (K'ho).

*Desmodium cephalotes* (Roxb.) Wight et Arn.

Họ Đậu *Fabaceae*.

#### Mô tả

Cây bụi nhỏ, sống lâu năm, cao 0,5 - 2m, có khi hơn. Thân tròn, phân nhiều cành. Cành non mảnh, hình tam giác dẹt, uốn lượn, có cạnh và lông mềm màu trắng, sau nhẵn. Lá kép mọc so le, có 3 lá chét, lá chét giữa to hơn, phiến lá chét nguyên, hình thoi, bầu dục hoặc hình trứng, gốc lá gần tròn hay tù, đầu nhọn, ngắn, mặt trên có lông mềm màu trắng, rời nhẵn, mặt dưới phủ một lớp lông tơ dày, mềm, màu trắng ánh bạc; gân bên mọc gần sát nhau; lá kèm nhỏ. Đặc biệt các lá non ở ngọn có phủ lớp lông tơ trắng nhiều hơn ở cả hai mặt. Cụm hoa hình chùm ngắn, tụ họp ở kẽ lá; lá bắc lợp, nhiều, dạng lá kèm, có lông mềm; hoa nhỏ, 10 - 20 cái, màu trắng; đài có lông mềm, chia 4 thùy, thùy dưới dài hơn ba thùy trên; cánh hoa có móng; bộ nhị bố, bao phấn thuôn màu nâu. Quả loại đậu không cuống, có mép lượn, thắt lại ở giữa